

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa–**  
Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị L, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm M, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú tại: 9/6/1 đường Y, phường Z, quận X, thành phố S. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Vũ Trọng T, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm M, xã T, huyện Đại T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại nước N (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 6 năm 2012 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại nước N. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn. Đến năm 2016 anh T dọn ra ngoài ở. Năm 2019 chị L trở về Việt Nam, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh T chị xác định anh T không cho chị biết và cả gia đình nhà anh T đều không biết nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Trọng T1, sinh ngày 11/02/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được đón và nuôi con. Nếu chị được nuôi con chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Vũ Trọng B và bà Vũ Thị H là bố mẹ đẻ của chị anh Vũ Trọng T xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án ông B, bà H có thông tin cho anh T biết thì anh T có trao đổi lại với nội dung: Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện anh không còn tình cảm với chị L, chị L xin ly hôn anh T nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Vũ Trọng T1, sinh ngày 11/02/2013. Từ bé cháu T1 vẫn ở và được ông bà nội chăm sóc, chị L hiện đang đi làm xa không trực tiếp ở và chăm sóc con chung do vậy anh đề nghị tiếp tục giao cháu T1 cho ông bà nội trực tiếp chăm sóc, khi nào anh về nước anh sẽ trực tiếp thực hiện quyền chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T1. Trong trường hợp chị L được Tòa giao nuôi con, yêu cầu anh cấp dưỡng theo quy định thì anh không nhất trí. Chị L nuôi con thì cần phải có trách nhiệm với con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị xem xét.

Hiện anh T đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được, anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Vũ Trọng T, sinh ngày 11/02/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, anh T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 3686/CAT(PA01/XNC) ngày 20/4/2022 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Vũ Trọng T đã xuất cảnh ngày 08/12/2013 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Vũ Thị L chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh T là ông B và bà H có đủ căn cứ xác định anh T vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ

của bị đơn anh T và anh T cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Vũ Trọng T và chị Vũ Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L khai: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại nước N. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn. Đến năm 2016 anh T dọn ra ngoài ở. Năm 2019 chị L trở về Việt Nam. Từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Phía bị đơn anh T mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định anh và chị L có mâu thuẫn. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau về việc chị L xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh T và chị L đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Trọng T1, sinh ngày 11/02/2013 hiện cháu ở với ông bà nội. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Ý kiến của anh T không nhất trí để chị L được trực tiếp nuôi con, do cháu T1 ở cùng ông bà nội từ nhỏ, cháu đang sống và học tập ổn định, anh mong muốn Tòa tiếp tục giao con cho ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Khi nào anh về Việt Nam anh sẽ tiếp tục chăm sóc cho cháu để đảm bảo điều kiện cho cháu. Chị L hiện đang đi làm ăn xa, không có nhà cửa và không ở cùng với cháu. Trong trường hợp Tòa án giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng do chị L đã nuôi con thì phải có trách nhiệm với con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện anh T đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho chị L, mức cấp dưỡng theo điều kiện thực tế của các đương sự là 1.500.000 đồng/tháng cho con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có, phía anh T không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng theo quy định.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; Điều 37; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L đối với anh Vũ Trọng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Vũ Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Trọng T1, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Vũ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung Vũ Trọng T1, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Vũ Thị L là 1.500.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000080 ngày 18/3/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Vũ Trọng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng, nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để sung quỹ Nhà nước.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Anh T được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Phương**